

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ**

**Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)
và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài**

(Tiếp theo Công báo số 01 + 02)

Phụ lục IIIa**MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH
ĐẦU TƯ CÔNG SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên chương trình (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ chương trình (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư công và bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.

2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình; sự phù hợp đối với chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ và của nhà tài trợ nước ngoài.

3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.

4. Dự kiến vốn đối ứng, nguồn cung cấp và mức vốn cụ thể theo từng nguồn gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng, các nguồn vốn hợp pháp khác, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

6. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.

8. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

9. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình.

10. Các hoạt động thực hiện trước: Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 17 của Nghị định, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.

Phụ lục IIIb
MẪU BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI
DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA VÀ DỰ ÁN NHÓM A
SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư công và bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình; sự phù hợp đối với chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ và của nhà tài trợ nước ngoài.
3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
4. Dự kiến vốn đối ứng, nguồn cung cấp và mức vốn cụ thể theo từng nguồn gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng, các nguồn vốn hợp pháp khác, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA,

vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

6. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại.

7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.

8. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

9. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình.

10. Các hoạt động thực hiện trước: Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.

Phụ lục IIIc**MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên chương trình, dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư công và bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

1. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau (nếu có) nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan.
2. Nhu cầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện chương trình; sự phù hợp đối với chính sách và ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ và của nhà tài trợ nước ngoài.
3. Dự kiến vốn của nhà tài trợ nước ngoài và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ.
4. Dự kiến vốn đối ứng, nguồn cung cấp và mức vốn cụ thể theo từng nguồn gồm: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn tự có của chủ dự án (dự kiến), vốn vay ngân hàng, các nguồn vốn hợp pháp khác, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
5. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA,

vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

6. Cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình (cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay); phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại.

7. Đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của chương trình.

8. Đánh giá sơ bộ chương trình, dự án về: tính hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường), tính khả thi và tính bền vững của chương trình, dự án.

9. Đề xuất hình thức tổ chức quản lý thực hiện chương trình.

10. Các hoạt động thực hiện trước: Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ nước ngoài, đề xuất các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, trong đó nêu rõ kinh phí dự kiến, khung thời gian, trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam và nhà tài trợ nước ngoài.

Phụ lục IVa**MẪU TỜ TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

TỜ TRÌNH**Quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án.....**

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN

1. Tên chương trình/dự án:
2. Cơ quan chủ quản:
3. Chủ chương trình, dự án (dự kiến):
4. Nhà tài trợ, đồng tài trợ (nếu có):
5. Mục tiêu:
6. Quy mô và nội dung đầu tư:
7. Dự án nhóm:
8. Thời gian thực hiện:
9. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án:

10. Tổng vốn thực hiện chương trình, dự án (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra nguyên tệ và đô la Mỹ, gồm:

- Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ;

- Nguồn vốn đối ứng và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ.

11. Cơ chế tài chính trong nước:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN NHÓM A, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Nội dung Đề xuất chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nêu đầy đủ quá trình triển khai xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án và những nội dung có thay đổi so với Đề xuất chương trình, dự án đã được phê duyệt (nếu có).

- Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án giai đoạn trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

- Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình/dự án.

- Các nội dung khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) xem xét, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) giai đoạn (nêu rõ giai đoạn thực hiện chương trình/dự án).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục IVb

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN
KHẢ THI, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG
TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**
*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/
Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án...**

Kính gửi: (Tên cơ quan trình thẩm định).

Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) nhận được Tờ trình số.... ngày... tháng... năm... của cơ quan (Tên cơ quan trình) trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên đề nghị thẩm định). Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên) như sau:

Phần thứ nhất**TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH****I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH**

1. Tờ trình cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án.
2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ.

4. Ý kiến thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan thẩm định theo quy định tại Điều 33 của Luật Đầu tư công.

5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công.

2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

3. Các căn cứ pháp lý khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định:

2. Đơn vị phối hợp thẩm định:

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc áp dụng cả hai hình thức (nếu cần thiết).

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN.....

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN.....

1. Tên chương trình/dự án:

2. Cơ quan chủ quản:

3. Chủ chương trình/dự án (dự kiến):

4. Nhà tài trợ, đồng tài trợ (nếu có):

5. Mục tiêu:

6. Quy mô và nội dung đầu tư:

7. Dự án nhóm:

8. Thời gian thực hiện (tiền độ và phân kỳ đầu tư):

9. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:

10. Tổng vốn thực hiện chương trình/dự án (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra nguyên tệ và đô la Mỹ, gồm:

- Nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ;

- Nguồn vốn đối ứng và mức vốn cụ thể theo từng nguồn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ.

11. Cơ chế tài chính trong nước:

12. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

13. Các thông tin khác (nếu có):

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Việc thẩm định chủ trương đầu tư dự án phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

Các ý kiến khác (nếu có).

.....
(Trong từng trường hợp cụ thể cơ quan/Hội đồng thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

IV. KẾT LUẬN

Chương trình/Dự án (Tên) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của (Cơ quan thẩm định/Hội đồng thẩm định) về chủ trương đầu tư chương trình/dự án, đề nghị cơ quan (Tên cơ quan trình) xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu yêu cầu điều chỉnh) hoặc quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án (nếu chấp thuận đề xuất của cơ quan trình).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục IVc**MẪU NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH) VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

**CƠ QUAN RA NGHỊ QUYẾT
(QUYẾT ĐỊNH)
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

Số:...

NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)

Về chủ trương đầu tư chương trình/dự án.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

*Theo đề nghị của cơ quan chủ quản (Tên)/Hội đồng thẩm định chương trình/
dự án.*

QUYẾT NGHỊ (QUYẾT ĐỊNH):**Điều 1. Phê duyệt (Quyết định) chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên):**

1. Cơ quan chủ quản:
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ (nếu có):
3. Mục tiêu, quy mô.
4. Địa điểm, thời gian.
5. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn (theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra nguyên tệ và đô la Mỹ) gồm:

a) Vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (theo nguyên tệ và quy đổi ra tiền đồng Việt Nam và đô la Mỹ);

b) Vốn đối ứng (theo tiền đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

6. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại.

7. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan chủ quản (Tên) chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình/dự án (Tên) trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

b) Các nội dung khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (nếu có)

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan chủ quản (Tên) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan (Tên cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này báo cáo cơ quan (Tên cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư/
Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục V
MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN ODA
KHÔNG HOÀN LẠI

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA không hoàn lại.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).
3. Cơ chế tài chính.

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI (NẾU CÓ)

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có).

Phụ lục VI**MẪU VĂN KIẾN PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI**

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án (tiếng Việt và tiếng Anh).
2. Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất và chủ dự án (dự kiến): Tên, địa chỉ và các thông tin liên quan khác.
3. Nhà tài trợ và đồng tài trợ nước ngoài (nếu có) dự kiến hỗ trợ thực hiện chương trình.
4. Thời gian dự kiến.
5. Địa điểm thực hiện.

II. NHU CẦU VỀ KHOẢN PHI DỰ ÁN

1. Nêu sự cần thiết và nhu cầu tài trợ đối với phi dự án.
2. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ nước ngoài.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỦA PHI DỰ ÁN

Nêu rõ mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và nội dung của phi dự án.

IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN PHI DỰ ÁN

Nêu rõ cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý phi dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện khoản phi dự án của chủ dự án.

V. TỔNG VỐN CỦA PHI DỰ ÁN

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam và đô la Mỹ).
2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).
3. Cơ chế tài chính.

VI. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài (nếu có).

Phụ lục VII**MẪU QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(HOẶC CHỦ DỰ ÁN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../QĐ-

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban Quản lý dự án (Tên chương trình, dự án)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN HOẶC CHỦ DỰ ÁN)

Căn cứ Nghị định số../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ (tên văn bản) số... ngày... tháng... năm... quyết định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của (Cơ quan chủ quản);

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt văn kiện chương trình, dự án) hoặc Quyết định số ngày... tháng... năm... của (Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án) (trong trường hợp thực hiện hoạt động trước về việc thành lập trước Ban Quản lý dự án) (Tên Chương trình, dự án);

Căn cứ Quyết định số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan có thẩm quyền) về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của (Chủ dự án);

Theo đề nghị của (Thủ trưởng cơ quan đơn vị được giao thực hiện chương trình, dự án với vai trò Ban Quản lý dự án) về việc thành lập Ban Quản lý dự án (Ban QLDA).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban QLDA (Tên chương trình, dự án và viện trợ phi dự án bằng tiếng Việt và tiếng Anh) do (tên nhà tài trợ) tài trợ. Chương trình, dự án và

viện trợ phi dự án có tổng vốn (vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng), thực hiện trong thời gian từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Điều 2. Ban QLDA có nhiệm vụ quản lý thực hiện chương trình, dự án và viện trợ theo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng và nguồn lực nêu trong văn kiện chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Điều ước quốc tế/thỏa thuận quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi đối với chương trình, dự án, viện trợ phi dự án.

Điều 3. Ban QLDA được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại, được phép sử dụng con dấu riêng (hoặc sử dụng con dấu của cơ quan chủ quản hoặc Chủ dự án) để phục vụ cho việc chuẩn bị, chuẩn bị thực hiện dự án (trong khuôn khổ các hoạt động thực hiện trước) và thực hiện chương trình, dự án.

Điều 4. Bổ nhiệm Ông/Bà..... là Giám đốc Ban QLDA.

Điều 5. Bổ nhiệm Ông/Bà..... là Phó Giám đốc Ban QLDA (nếu có).

Điều 6. Bổ nhiệm Ông/Bà..... là Kế toán trưởng hoặc Cán bộ phụ trách kế toán của chương trình, dự án.

Điều 7. Giám đốc Ban QLDA có trách nhiệm xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban QLDA (Tên chương trình, dự án) trình (Cơ quan chủ quản hoặc Chủ dự án) phê duyệt trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi Quyết định này có hiệu lực.

Điều 8. Thời hạn hoạt động của Ban QLDA

Ban QLDA giải thể theo Quyết định của (Cơ quan chủ quản hoặc Chủ dự án) kể từ ngày báo cáo kết thúc và báo cáo quyết toán chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và việc xử lý tài sản của Ban QLDA đã hoàn thành.

Điều 9. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Giám đốc Ban QLDA, Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT,...

**CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN
HOẶC CHỦ DỰ ÁN**
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VIII
MẪU QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(HOẶC CHỦ DỰ ÁN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án
(Tên chương trình, dự án, phi dự án)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Việc thành lập Ban Quản lý dự án (Ban QLDA) căn cứ vào các cơ sở pháp lý sau:

1. Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản, chủ dự án.

3. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với trường hợp Ban QLDA được thành lập trong khuôn khổ các hoạt động thực hiện trước).

4. Quyết định phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, phi dự án của cấp có thẩm quyền.

5. Điều ước quốc tế cụ thể về ODA và các khoản vay ưu đãi của chương trình, dự án, phi dự án (nếu có).

6. Quyết định thành lập Ban QLDA của cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án.

Điều 2. Thông tin chung về chương trình, dự án

1. Tên chương trình, dự án.
2. Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ.
3. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình, dự án.
4. Thời gian bắt đầu và kết thúc chương trình, dự án.
5. Tổng vốn của chương trình, dự án, phi dự án (ODA viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng).
6. Nguồn vốn và cơ chế tài chính trong nước đối với chương trình, dự án.

Điều 3. Thông tin về Ban QLDA

1. Tên giao dịch của Ban Quản lý dự án:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....
4. E-mail:.....
5. Số tài khoản:..... (nếu có)

Kho bạc Nhà nước:.....

Ngân hàng thương mại:.....

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban QLDA**Chương II****CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN****Điều 5. Lập kế hoạch thực hiện chương trình, dự án****Điều 6. Thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng****Điều 7. Quản lý tài chính, tài sản và giải ngân****Điều 8. Công tác hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình****Điều 9. Công tác giám sát, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án, phi dự án****Điều 10. Công tác nghiệm thu, bàn giao, quyết toán chương trình, dự án****Điều 11. Các nhiệm vụ đặc thù****Điều 12. Một số nhiệm vụ khác do cơ quan chủ quản, chủ dự án giao**

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 13. Cơ cấu tổ chức Ban QLDA

Điều 14. Giám đốc Ban QLDA

Điều 15. Nhân sự của Ban QLDA

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.
2. Các nhiệm vụ quản lý và thực hiện chương trình, dự án không được quy định cho Ban QLDA trong Quy chế này sẽ do cơ quan chủ quản hoặc chủ dự án thực hiện theo quy định hiện hành.
3. Giám đốc Ban QLDA, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc (Chủ dự án) có trách nhiệm thi hành Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Ban QLDA có trách nhiệm đề xuất với (Chủ dự án) xem xét, điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Quy chế này.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ QUẢN
HOẶC CHỦ DỰ ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IX
HỒ SƠ RÚT VỐN

*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

**I. HỒ SƠ RÚT VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI GỬI
MỘT LẦN CHO BỘ TÀI CHÍNH**

1. Chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền gửi bộ hồ sơ pháp lý gửi một lần cho Bộ Tài chính bao gồm:

a) Bản chụp điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi ký với nhà tài trợ và Sổ tay quản lý dự án (nếu có);

b) Bản chính Văn kiện chương trình, dự án và Quyết định phê duyệt đầu tư hoặc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của cấp có thẩm quyền; mã dự án đầu tư, mã đơn vị quan hệ ngân sách do cơ quan thẩm quyền cấp;

c) Hợp đồng ký giữa Chủ dự án với nhà thầu (Bản chụp);

d) Các thỏa thuận, thư hoặc văn bản "ý kiến không phản đối" của nhà tài trợ; thỏa thuận với nhà thầu về thực hiện dự án (danh mục chi phí hợp lệ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng theo quy định cụ thể của hợp đồng) (Bản chụp);

đ) Bản chụp Giấy đăng ký sử dụng tài khoản và mẫu dấu có xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc xác nhận mở tài khoản của ngân hàng phục vụ (trường hợp có mở tài khoản thanh toán);

e) Vào lần rút vốn đầu tiên của năm tài chính, Chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền gửi cho Bộ Tài chính quyết định của cấp có thẩm quyền giao dự toán năm cho nguồn vốn cấp phát, vốn vay lại của Dự án (Bản chụp).

2. Chủ dự án chỉ gửi một lần bản chính hoặc bản chụp và chủ dự án chịu trách nhiệm đóng dấu giáp lai vào bản chụp. Trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài, chủ dự án gửi cho Bộ Tài chính bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký và dấu của Chủ dự án. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bản chụp và bản dịch.

II. HỒ SƠ RÚT VỐN THEO HÌNH THỨC THANH TOÁN TRỰC TIẾP

1. Chủ dự án hoặc đơn vị được ủy quyền lập và gửi cho Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ rút vốn như sau:

a) Văn bản đề nghị rút vốn kèm theo Đơn rút vốn, các sao kê theo mẫu và các chứng từ cần thiết theo quy định của nhà tài trợ;

b) Hóa đơn hoặc đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp (Bản sao y bản chính);

c) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (Bản chính).

2. Ngoài các tài liệu nêu trên, đối với khoản chi tạm ứng hợp đồng ký với nhà thầu, nhà cung cấp, và tư vấn, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại (Bản sao y bản chính). Giá trị bảo lãnh tạm ứng tối thiểu tương đương giá trị tạm ứng, thời gian bảo lãnh tạm ứng kéo dài cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng.

III. HỒ SƠ RÚT VỐN THEO HÌNH THỨC RÚT VỐN BẰNG THƯ TÍN DỤNG (L/C)

1. Hình thức rút vốn bằng L/C có thư cam kết:

a) Thủ tục phát hành L/C, thư cam kết:

Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị phát hành, trong đó nêu rõ số vốn dự án đã giải ngân theo năm kế hoạch, kế hoạch dự kiến phân bổ cho L/C, thư cam kết đang đề nghị phát hành;

- Bản chụp hợp đồng ký kết hoặc Phụ lục hợp đồng (nếu có) với nhà thầu phù hợp với quy định; hợp đồng cần có điều khoản quy định một trong các điều kiện hoặc chứng từ thanh toán từng lần theo L/C là phải có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi về tính hợp lệ của mọi khoản thanh toán L/C theo hình thức kiểm soát chi trước; riêng đối với mua sắm hàng hóa thiết bị được áp dụng hình thức kiểm soát chi sau nhưng không áp dụng cho lần thanh toán cuối cùng. Mỗi lần thanh toán L/C, chủ dự án cung cấp Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi của lần thanh toán đợt này hoặc trước đó tùy vào hình thức kiểm soát chi trước hoặc kiểm soát chi sau;

- Thư không phản đối của nhà tài trợ;

- Bộ hồ sơ phát hành thư cam kết theo mẫu của nhà tài trợ (trường hợp nhà tài trợ yêu cầu Bộ Tài chính gửi đề nghị phát hành thư cam kết).

b) Thủ tục sửa đổi L/C:

Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị sửa đổi L/C hoặc thư cam kết, trong đó nêu rõ số vốn dự án đã giải ngân lũy kế đến thời điểm sửa đổi, kế hoạch dự kiến phân bổ cho L/C đang đề nghị sửa đổi;

- Bản chụp Phụ lục hợp đồng liên quan đến việc sửa đổi L/C hoặc thư cam kết (nếu có);

- Thư không phản đối của nhà tài trợ (Bản chụp).

2. Hình thức rút vốn bằng thư tín dụng (L/C) từ tài khoản tạm ứng:

Chủ dự án gửi Bộ Tài chính hồ sơ để xem xét có ý kiến về việc mở L/C từ tài khoản tạm ứng. Bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán theo hình thức L/C thanh toán từ tài khoản tạm ứng trong đó báo cáo rõ số vốn dự án đã giải ngân trong năm kế hoạch, kế hoạch dự kiến phân bổ cho L/C đang đề nghị phát hành trong đó nêu rõ giá trị L/C phát hành mới hoặc sửa đổi có giá trị tối đa bằng kế hoạch năm chưa giải ngân được chủ dự án phân bổ cho thư cam kết L/C đó;

- Bản chụp hợp đồng ký kết hoặc Phụ lục hợp đồng (nếu có) với nhà thầu phù hợp với quy định; hợp đồng cần có điều khoản quy định một trong các điều kiện hoặc chứng từ thanh toán từng lần theo L/C là phải có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi về tính hợp lệ của mọi khoản thanh toán L/C theo hình thức kiểm soát chi trước; riêng đối với mua sắm hàng hóa thiết bị được áp dụng hình thức kiểm soát chi sau nhưng không áp dụng cho lần thanh toán cuối cùng. Mỗi lần thanh toán L/C, chủ dự án cung cấp Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi của lần thanh toán đợt này hoặc trước đó tùy vào hình thức kiểm soát chi trước hoặc kiểm soát chi sau.

IV. HỒ SƠ RÚT VỐN THEO HÌNH THỨC HOÀN VỐN

1. Chủ dự án gửi Bộ Tài chính bộ hồ sơ rút vốn gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị rút vốn và Đơn rút vốn và sao kê theo mẫu của nhà tài trợ. Đơn rút vốn phải ghi rõ tên và số tài khoản của từng đơn vị đã ứng vốn. Đối với các khoản do ngân sách nhà nước ứng trước (vốn chuẩn bị dự án, vốn ứng trước để thực hiện dự án), văn bản đề nghị phải nêu rõ tên và số tài khoản của cấp ngân sách nơi ứng vốn;

b) Chứng từ chuyển tiền (bản in chứng từ điện tử hoặc chứng từ giấy) chứng minh khoản kinh phí đã được chủ dự án thanh toán cho nhà thầu, người thụ hưởng hoặc Bảng đối chiếu xác nhận công nợ giữa chủ dự án với nhà thầu, người thụ hưởng;

c) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của Cơ quan kiểm soát chi (bản chính);

d) Bảng kê các khoản chi khớp với kiểm soát chi và chứng từ chuyển tiền.

2. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của nhà tài trợ, Bộ Tài chính yêu cầu các tài liệu bổ sung.

V. HỒ SƠ RÚT VỐN THEO HÌNH THỨC RÚT VỀ TÀI KHOẢN TẠM ỨNG (TKTU)

1. Rút vốn lần đầu về tài khoản tạm ứng: Việc rút vốn lần đầu về TKTU được thực hiện căn cứ trên hạn mức (hoặc mức tối đa) của TKTU quy định trong điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã ký kết. Để thực hiện rút vốn lần đầu, chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau để xem xét và ký Đơn rút vốn gửi nhà tài trợ:

- a) Văn bản đề nghị rút vốn;
- b) Đơn rút vốn và các sao kê theo mẫu của nhà tài trợ;
- c) Kế hoạch chi tiêu chi tiết cho giai đoạn tối đa 03 tháng tới.

2. Tạm ứng về tài khoản cấp 2:

a) Việc rút vốn về tài khoản cấp 2 phải thực hiện qua TKTU. Đồng tiền của tài khoản cấp 2 là ngoại tệ vay nước ngoài. Việc mở tài khoản cấp 2 bằng đồng Việt Nam (VNĐ) phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính;

b) Đối với các khoản tạm ứng bằng VNĐ cho tài khoản cấp 2, chủ tài khoản cấp 2 hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng phục vụ vào thời điểm cấp tạm ứng và thực hiện chi tiêu, hạch toán vốn các lần tạm ứng theo nguyên tắc nhập trước - xuất trước.

3. Chi từ TKTU do Bộ Tài chính là chủ tài khoản: Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị thanh toán vốn của chủ chương trình, dự án;
- b) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, nhà cung cấp, người thụ hưởng;
- c) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính) đối với mỗi đợt thanh toán (hình thức kiểm soát chi trước). Trường hợp thanh toán tạm ứng cần cung cấp các chứng từ bảo lãnh tạm ứng ngân hàng đối với khoản tạm

ứng theo quy định. Giá trị bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng, thời gian bảo lãnh tạm ứng kéo dài cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng.

4. Chi từ TKTU do Chủ dự án là chủ tài khoản: Chủ dự án gửi Ngân hàng phục vụ/Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản các tài liệu sau:

a) Chứng từ chuyển tiền thanh toán cho nhà thầu, nhà cung cấp, người thụ hưởng theo mẫu của Ngân hàng phục vụ/Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản;

b) Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính) đối với mỗi đợt thanh toán (hình thức kiểm soát chi trước). Trường hợp kiểm soát chi sau, Chủ dự án gửi Ngân hàng phục vụ/Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản Giấy đề nghị thanh toán có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính).

5. Rút vốn bổ sung TKTU: Để rút vốn bổ sung TKTU, báo cáo chi tiêu từ TKTU, Chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:

a) Đối với trường hợp rút vốn bổ sung: Để rút vốn bổ sung TKTU, Chủ dự án gửi Bộ Tài chính các tài liệu sau:

(i) Văn bản đề nghị rút vốn bổ sung TKTU và báo cáo chi tiêu từ TKTU chứng minh đã chi tiêu tối thiểu 70% số vốn đã rút về TKTU lần trước và chi tiêu 100% số vốn đã rút về TKTU các lần trước đó;

(ii) Đơn rút vốn hoặc thư đề nghị rút vốn, các sao kê theo mẫu của nhà tài trợ (nếu có) có xác nhận của Chủ dự án.

(iii) Kế hoạch chi từ TKTU chi tiết cho giai đoạn tối đa 03 tháng tới. Tỷ giá quy đổi để rút vốn về tài khoản tạm ứng là tỷ giá mua chuyển khoản đồng ngoại tệ tương ứng của ngân hàng phục vụ hoặc ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản tại thời điểm ngày lập đơn rút vốn.

b) Đối với trường hợp hoàn chứng từ:

Để rút vốn hoàn chứng từ, chủ dự án gửi các tài liệu sau cho Bộ Tài chính:

(i) Công văn đề nghị rút vốn hoàn chứng từ/báo cáo chi tiêu từ TKTU;

(ii) Đơn rút vốn và các sao kê theo quy định của nhà tài trợ có xác nhận của Chủ dự án;

(iii) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư có xác nhận của cơ quan kiểm soát chi (bản chính hoặc bản đóng dấu treo của Chủ dự án nếu kiểm soát chi điện tử); Bảng hạch toán ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi (đối với dự án cấp

phát). Đối với khoản chi tạm ứng hợp đồng ký với nhà thầu, nhà cung cấp, chủ dự án gửi Bộ Tài chính bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng thương mại (Bản chụp); giá trị bảo lãnh tạm ứng tương đương giá trị tạm ứng, thời gian bảo lãnh tạm ứng kéo dài cho đến khi chủ dự án thu hồi hết số vốn đã tạm ứng;

(iv) Sao kê TKTU' và ủy nhiệm chi đối với từng giao dịch của Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản hoặc ngân hàng phục vụ, chi tiết số tiền nguyên tệ, người thụ hưởng và ngày giao dịch, tỷ giá áp dụng và giá trị VNĐ tương đương, số dư đầu kỳ, số chi trong kỳ và số dư cuối kỳ; nếu có tài khoản cấp 2 thì gửi kèm sao kê.

c) Trường hợp rút vốn bổ sung TKTU' và hoàn chứng từ: Chủ dự án nộp Bộ Tài chính các tài liệu quy định đối với trường hợp bổ sung TKTU' và hoàn chứng từ tại mục a và b nêu trên”.

VI. KÝ ĐƠN RÚT VỐN

Sau khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính xem xét ký đơn rút vốn gửi nhà tài trợ. Việc chuyển đơn rút vốn hoặc thư đề nghị rút vốn cho nhà tài trợ thực hiện theo hình thức gửi thư hoặc ký điện tử theo quy định của nhà tài trợ.

Phụ lục X
BÁO CÁO KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
*(Kèm theo Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ)*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Tên chương trình, dự án (tiếng Việt):
2. Tên chương trình, dự án (tiếng Anh):
3. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án:
4. Tên nhà tài trợ, đồng tài trợ:
5. Cơ quan chủ quản:
6. Chủ chương trình, dự án:
7. Thời gian thực hiện:
8. Ngày ký quyết định chủ trương đầu tư và các quyết định điều chỉnh (nếu có).
9. Ngày ký quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án và các quyết định điều chỉnh (nếu có).
10. Ngày ký kết hiệp định, ngày hiệp định có hiệu lực, thời hạn hiệp định, ngày gia hạn hiệp định (nếu có).
11. Cơ cấu nguồn vốn: Tổng vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng (nêu rõ các điều chỉnh, bổ sung nếu có).

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

1. Mục tiêu và phạm vi chương trình, dự án

Theo quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt văn kiện dự án và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

2. Tổ chức thực hiện

Mô hình và cách thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá việc hoàn thành mục tiêu

Mức độ đạt được mục tiêu đề ra trong văn kiện của dự án được cấp có thẩm quyền duyệt.

2. Các hợp phần và đầu ra

Nêu các hợp phần và đầu ra chủ yếu của dự án và mức độ hoàn thành, những nội dung điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện (nếu có).

3. Kết quả thực hiện về tài chính

So sánh giữa tổng mức vốn trong Quyết định phê duyệt văn kiện dự án và tổng vốn giải ngân theo các nguồn vốn (vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng). Nêu những yếu tố tác động đến công tác giải ngân, dẫn đến phải điều chỉnh vốn trong quá trình thực hiện dự án.

IV. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Nêu những yếu tố tác động đến kết quả thực hiện chương trình, dự án:

1. Chính sách và môi trường pháp lý:

- Chính sách của Chính phủ
- Chính sách của Nhà tài trợ

2. Công tác tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án:

- Đánh giá việc đảm bảo điều kiện về tài chính, kỹ thuật, nhân lực cho dự án trên cơ sở Hiệp định về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết và văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án.
- Năng lực quản lý và thực hiện chương trình, dự án.
- Thực hiện chế độ báo cáo và các quy định về giám sát và đánh giá.
- Quản lý rủi ro và thay đổi.

3. Công tác đấu thầu, mua sắm.

4. Công tác hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tăng cường năng lực.

5. Công tác giải phóng mặt bằng và tái định cư (đối với các dự án đầu tư).

6. Các tác động về môi trường.

7. Các vấn đề về giới.

8. Những vấn đề về kỹ thuật, công nghệ

Ngoài việc nêu các yếu tố tác động, cần làm rõ các thuận lợi, khó khăn và các biện pháp khắc phục mà chủ dự án, Ban QLDA đã thực hiện.

9. Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội

Phân tích các lợi ích và tác động về kinh tế, xã hội của chương trình, dự án trên cơ sở các kết quả và mục tiêu đạt được.

V. CÁC BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ